

Số: 01/2019/TT-BTP

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2019

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số nội dung về đăng ký biện pháp bảo đảm  
bằng tàu bay, tàu biển**

*Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về các trường hợp đăng ký và biểu mẫu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển; kê khai thông tin trên phiếu yêu cầu đăng ký và ghi nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển vào sổ đăng ký.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cục Hàng không Việt Nam.
2. Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

3. Cá nhân, pháp nhân theo quy định của pháp luật có yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển.

4. Cá nhân, pháp nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Các trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển**

1. Cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; thế chấp tàu biển.

2. Bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tàu bay, tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu.

3. Thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển đã đăng ký.

4. Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký.

5. Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay, tàu biển trong trường hợp đã đăng ký cầm cố, thế chấp.

6. Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển.

## **Chương II**

### **KÊ KHAI THÔNG TIN TRÊN PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VÀ GHI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VÀO SỔ ĐĂNG KÝ**

#### **Điều 4. Kê khai thông tin trên phiếu yêu cầu đăng ký**

1. Thông tin về bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm; bên mua tài sản, bên bán tài sản trong trường hợp mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu được kê khai như sau:

a) Đối với cá nhân: Họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, số Hộ chiếu đối với người nước ngoài; Họ và tên, địa chỉ, số Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam;

b) Đối với pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc nhà đầu tư nước ngoài: Tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Đối với pháp nhân được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài: Tên, địa chỉ được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền bằng chữ Latinh hoặc bằng tiếng Anh.

2. Thông tin về hợp đồng bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển kê khai như sau: Số của hợp đồng bảo đảm (nếu có) và thời điểm ký kết (ngày, tháng, năm) của hợp đồng.

3. Thông tin về đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm kê khai như sau: Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp.

4. Việc ký phiếu yêu cầu đăng ký được thực hiện như sau:

a) Có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của một trong các bên tham gia biện pháp bảo đảm bằng tàu bay hoặc các bên tham gia biện pháp bảo đảm bằng tàu biển hoặc người được các bên đó uỷ quyền, trừ trường hợp xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển;

b) Trong trường hợp xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển thì phiếu yêu cầu đăng ký phải có chữ ký của bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản trong trường hợp mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu hoặc các bên tham gia biện pháp bảo đảm. Trong trường hợp trên phiếu yêu cầu xóa đăng ký không có chữ ký của bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản thì hồ sơ xóa đăng ký phải có văn bản đồng ý xóa đăng ký biện pháp bảo đảm của bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm (sau đây gọi là Nghị định số 102/2017/NĐ-CP);

c) Chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm hoặc người được bên nhận bảo đảm uỷ quyền, bên bán tài sản hoặc người được bên bán tài sản uỷ quyền trong trường hợp mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu đối với trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi về bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản; sửa chữa sai sót thông tin về bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản; yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm;

d) Chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản là người yêu cầu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán cho người khác vay tài sản nhưng không thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm.

## **Điều 5. Ghi nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam**

1. Trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, đăng ký bảo lưu quyền sở hữu tàu bay trong trường hợp mua bán tàu bay có bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán tàu bay kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng,

năm), ghi tên bên cầm cố, bên thế chấp, tên bên mua tài sản, tên bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp, tên bên bán tài sản vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.

2. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, Cục Hàng không Việt Nam ghi vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam như sau:

a) Ghi thời điểm đăng ký thay đổi (giờ, phút, ngày, tháng, năm);

b) Trường hợp thay đổi một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán tàu bay kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu bay thì ghi “Thay đổi bên cầm cố, bên thế chấp, bên mua tài sản (hoặc bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp, bên bán tài sản) thành bên cầm cố, bên thế chấp mới, bên mua tài sản mới (hoặc bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp mới, bên bán tài sản mới) là... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

c) Trường hợp thay đổi tên của một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán tàu bay kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu bay thì ghi “Thay đổi tên của bên cầm cố, bên thế chấp, bên mua tài sản (hoặc bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp, bên bán tài sản) thành tên mới là... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

d) Trường hợp rút bớt tài sản cầm cố, tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là tàu bay thì ghi “Rút bớt tài sản cầm cố, tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là... (ghi thông tin về tài sản bị rút bớt); tài sản cầm cố, tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu còn lại là... (ghi nội dung thông tin về tài sản còn lại) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

đ) Trường hợp bổ sung tài sản cầm cố, tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là tàu bay thì ghi “Bổ sung tài sản cầm cố, tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là... (ghi thông tin về tài sản được bổ sung) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

e) Trường hợp thay thế tài sản cầm cố, tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là tàu bay thì Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ, thực hiện thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP và nộp hồ sơ, thực hiện thủ tục đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, đăng ký bảo lưu quyền sở hữu tàu bay theo quy định tại các Điều 24, 25 và 30 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

3. Trường hợp đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, tài sản thế chấp là tàu bay trong trường hợp đã đăng ký, Cục Hàng không Việt Nam ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam như sau:

a) Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm);

b) Ghi “Đã có văn bản thông báo về việc xử lý... (ghi tên tài sản phải xử lý) đã cầm cố, thế chấp với... (ghi tên bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp) theo Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản cầm cố tàu bay, tài sản thế chấp tàu bay ngày, tháng, năm”.

4. Trường hợp xóa đăng ký biện pháp bảo đảm thì Cục Hàng không Việt Nam ghi nội dung vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam như sau:

Ghi thời điểm xóa đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) và ghi “Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay giữa... (ghi tên bên cầm cố, bên thế chấp hoặc bên mua tài sản) và... (ghi tên bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp hoặc bên bán tài sản) theo Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay ngày, tháng, năm”.

#### **Điều 6. Ghi nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam**

1. Trường hợp đăng ký thế chấp tàu biển, đăng ký bảo lưu quyền sở hữu tàu biển trong trường hợp mua bán tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán tàu biển kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu biển, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam ghi nội dung đăng ký theo hướng dẫn trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam như sau:

a) Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm);

b) Ghi “Thế chấp tàu biển giữa... (ghi tên bên thế chấp) và... (ghi tên bên nhận thế chấp) theo hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng tín dụng (trường hợp việc thế chấp được ghi trong hợp đồng tín dụng) hoặc văn bản thỏa thuận khác về thế chấp tàu biển số... (nếu có), ngày, tháng, năm”;

c) Ghi “Bảo lưu quyền sở hữu tàu biển giữa... (ghi tên bên mua tài sản) và... (ghi tên bên bán tài sản) theo hợp đồng mua bán có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu biển số... (nếu có), ngày, tháng, năm”.

2. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam ghi nội dung đăng ký thay đổi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam như sau:

a) Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm);

b) Trường hợp thay đổi một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng thế chấp tàu biển, hợp đồng mua bán tàu biển có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán tàu biển kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu

biển thì ghi “Thay đổi bên thế chấp, bên mua tài sản (hoặc bên nhận thế chấp, bên bán tài sản) thành bên thế chấp mới, bên mua tài sản mới (hoặc bên nhận thế chấp mới, bên bán tài sản mới) là... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

c) Trường hợp thay đổi tên của một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng thế chấp tàu biển, hợp đồng mua bán tàu biển có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu, hợp đồng mua bán tàu biển kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu tàu biển thì ghi “Thay đổi tên của bên thế chấp, bên mua tài sản (hoặc bên nhận thế chấp, bên bán tài sản) thành tên mới là... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

d) Trường hợp rút bớt tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là tàu biển thì ghi “Rút bớt tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là... (ghi thông tin về tài sản bị rút bớt); tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu còn lại là... (ghi nội dung thông tin về tài sản còn lại) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

đ) Trường hợp bổ sung tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là tàu biển thì ghi “Bổ sung tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là... (ghi thông tin về tài sản được bổ sung) theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký ngày, tháng, năm”;

e) Trường hợp thay thế tài sản thế chấp, tài sản bảo lưu quyền sở hữu là tàu biển thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam hướng dẫn người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ, thực hiện thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP và nộp hồ sơ, thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp, đăng ký bảo lưu quyền sở hữu tàu biển trong trường hợp mua bán tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu theo quy định tại các Điều 32, 33 và 38 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

3. Trường hợp đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển trong trường hợp đã đăng ký, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam như sau: Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) và ghi “đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý... (ghi tên tài sản phải xử lý) đã thế chấp với... (ghi tên bên nhận thế chấp) theo Phiếu yêu cầu đăng ký ngày, tháng, năm”.

4. Trường hợp xóa đăng ký biện pháp bảo đảm, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam như sau: Ghi thời điểm xóa đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm); ghi “Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển giữa... (ghi tên bên thế chấp hoặc bên mua tài

sản) và... (ghi tên bên nhận thế chấp hoặc bên bán tài sản) theo Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển ngày, tháng, năm”.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2019.
2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay gồm:
  - a) Phụ lục 01: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay;
  - b) Phụ lục 02: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay;
  - c) Phụ lục 03: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký;
  - d) Phụ lục 04: Danh mục các hợp đồng bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký;
  - đ) Phụ lục 05: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký;
  - e) Phụ lục 06: Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay;
  - g) Phụ lục 07: Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay;
  - h) Phụ lục 08: Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay;
  - i) Phụ lục 09: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay;
  - k) Phụ lục 10: Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay;
  - l) Phụ lục 11: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay.
3. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển gồm:
  - a) Phụ lục 01: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển;
  - b) Phụ lục 02: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển;
  - c) Phụ lục 03: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký;

- d) Phụ lục 04: Danh mục các hợp đồng bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký;
- đ) Phụ lục 05: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký;
- e) Phụ lục 06: Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển;
- g) Phụ lục 07: Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển;
- h) Phụ lục 08: Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển;
- i) Phụ lục 09: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển;
- k) Phụ lục 10: Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển;
- l) Phụ lục 11: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển.

4. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

#### **Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp giao dịch bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển đã được đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà vẫn còn hiệu lực, thì người yêu cầu đăng ký không phải thực hiện đăng ký lại biện pháp bảo đảm theo quy định của Thông tư này.

2. Trường hợp người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhưng hồ sơ chưa được giải quyết thì cơ quan đăng ký thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin theo thủ tục quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký đã đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, mà có yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp đã đăng ký, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.



## **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

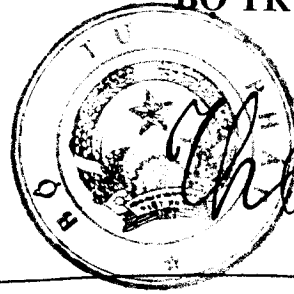
1. Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Cục ĐKQGDBĐ (30b).

**BỘ TRƯỞNG**



**Lê Thành Long**

Phụ lục 01: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay  
Annex 01: Application form for aircraft types of security registration  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

..., day ... month ... year ...

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**  
**BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**  
**APPLICATION FORM FOR AIRCRAFT TYPES OF SECURITY**  
**REGISTRATION**

**Kính gửi / To: Cục Hàng không Việt Nam / Civil Aviation Authority of Vietnam**

**1 Thông tin chung / General information**

**1.1. Loại hình đăng ký/ Registration type**

Cầm cố / Pledge       Thế chấp / Mortgage       Bảo lưu quyền sở hữu / Title retention

**1.2. Người yêu cầu đăng ký / Applicant**

Bên bảo đảm / Securing party       Bên nhận bảo đảm / Secured party       Người được uỷ quyền / Authorized person

- Họ và tên / Full name .....

- Địa chỉ / Address .....

- Số điện thoại / Tel.....      Thư điện tử / Email .....

CMND / Căn cước công dân/ ID       Hộ chiếu / PP

Số / No ..... do / issued by ..... cấp ngày / on ...../...../.....

Giấy uỷ quyền / Authorization document

Giấy tờ khác (ghi cụ thể) / Other (specify)

**1.3. Nhận kết quả đăng ký /**  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry

Methods to get registration  Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post result  
(specify name and address of receiver) .....

**2 Bên bảo đảm / Securing party**

- Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA) / Full name (write in CAPITAL LETTERS):

- Địa chỉ / Address:

- Quốc tịch / Nationality:



## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion having different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 5** Mỗi đơn yêu cầu chỉ đăng ký một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/ Each application only registers a contract and the annexes of that contract (if any).

Phụ lục 02: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay  
Annex 02: Registration certificate of aircraft types of security  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

<p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> <b>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b> <b>MINISTRY OF TRANSPORT</b> <b>CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK Number ref:</p>	<p><b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b> <b>Independence - Freedom - Happiness</b></p>
<p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY</b> <b>REGISTRATION CERTIFICATE OF AIRCRAFT TYPES OF SECURITY</b> <b>REGISTRATION</b></p>	
<p><b>1. Bên bảo đảm/ Securing party</b> Tên/Full name: Địa chỉ/Address:</p> <p><b>2. Bên nhận bảo đảm/Secured party</b> Tên/Full name: Địa chỉ/Address:</p> <p><b>3. Tàu bay/ Aircraft</b> Số hiệu đăng ký/ Registration Mark: Loại tàu bay/ Type of Aircraft: Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft: Nhà sản xuất/ Manufacturer: Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer's Serial Number: Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer: Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines: Thời điểm hình thành/ Time of Formation:</p> <p><b>4. Nghĩa vụ được bảo đảm/ secured obligation</b></p> <p><b>5. Thời hạn của quyền/ Duration of right</b> Thời điểm bắt đầu/ Date of Effectiveness: Thời điểm kết thúc/ Date of Expiry:</p> <p>Ngày đăng ký/ Date of Registration:</p>	
<p style="text-align: right;"><b>CỤC TRƯỞNG</b></p>	

Ngày cấp/ Date of issue:

**DIRECTOR GENERAL**

Phụ lục 03: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng  
tàu bay đã đăng ký

Annex 03: Application form for change of registered aircraft types of security content  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ... month ... year ...

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG**  
**BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ**

**APPLICATION FORM FOR CHANGE OF REGISTERED AIRCRAFT TYPES OF**  
**SECURITY CONTENT**

**Kính gửi/ To: Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

**❶ Thông tin chung/ General Information**

**1.1. Loại hình đăng ký/ Registration type**

Cầm cố/ Pledge       Thế chấp/ Mortgage       Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention

**1.2. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant**

Bên bảo đảm / Securing party       Bên nhận bảo đảm / Secured party       Người được uỷ quyền/ Authorized person

- Họ và tên/ Full name .....

- Địa chỉ/Address.....

- Số điện thoại/ Tel ..... Thu điện tử/ Email.....

CMND/Căn cước công dân/ ID       Hộ chiếu/ PP

Số/ No ..... do/ issued by ..... cấp ngày/ on ..... / ..... / .....

Giấy ủy quyền/ Authorization document

Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/ Other (specify)

**1.3. Nhận kết quả đăng ký/**  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry

Methods to get registration  Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post result  
(specify name and address of receiver) .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No.:**  
.....





**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày

\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_  
hour \_\_\_ minute, on \_\_\_ / \_\_\_ /

\_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/  
Receiver (signature and full name):

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.



Phụ lục 05: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng  
tàu bay đã đăng ký

Annex 05: Registration Certificate on changes of content of registered aircraft types of  
security

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01 /2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

<p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> <b>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b> <b>MINISTRY OF TRANSPORT</b> <b>CIVIL AVIATION AUTHORITY OF</b> <b>VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK Number ref:</p>	<p><b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b> <b>Independence - Freedom - Happiness</b></p>
<p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG</b> <b>BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ</b> <b>REGISTRATION CERTIFICATE OF CHANGES IN</b> <b>REGISTERED AIRCRAFT TYPES OF SECURITY CONTENT</b></p>	
<p><b>1. Bên bảo đảm/ Securing party</b> Tên/Full name: Địa chỉ/Address:</p> <p><b>2. Bên nhận bảo đảm/Secured party</b> Tên/Full name: Địa chỉ/Address:</p> <p><b>3. Tàu bay/ Aircraft</b> Số hiệu đăng ký/ Registration Mark: Loại tàu bay/ Type of Aircraft: Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft: Nhà sản xuất/ Manufacturer: Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer's Serial Number: Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer: Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines: Thời điểm hình thành/ Time of Formation:</p> <p><b>4. Nghĩa vụ được bảo đảm/ secured obligation</b></p> <p><b>5. Thời hạn của quyền/ Duration of right</b> Thời điểm bắt đầu/ Date of Effectiveness:</p>	

Thời điểm kết thúc/ Date of Expiry:

Ngày đăng ký/ Date of Registration:

Ngày cấp/ Date of issue:

**CỤC TRƯỞNG  
DIRECTOR GENERAL**

Phụ lục 06: Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký biện pháp bảo đảm  
bằng tàu bay

Annex 06: Application Form for error correction on aircraft types of security Registration  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU SỬA CHỮA SAI SÓT VỀ ĐĂNG KÝ**  
**BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**  
**APPLICATION FORM FOR ERROR CORRECTION OF AIRCRAFT TYPES OF**  
**SECURITY REGISTRATION**

**Kính gửi/ To: Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

**❶ Thông tin chung/ General information**

**1.1. Loại hình đăng ký/ Registration type**

Cầm cố/ Pledge       Thế chấp/ Mortgage       Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention

**1.2. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant:**

Bên bảo đảm/ Securing party       Bên nhận bảo đảm/ Secured party       Người được uỷ quyền/ Authorized person

- Họ và tên/ Full name.....

- Địa chỉ/ Address.....

- Số điện thoại/ Tel: ..... Thư điện tử/ Email.....

CMND/Căn cước công dân/ID       Hộ chiếu/ PP

Số/ No ..... do/ issued by..... cấp ngày/on / ..... /.....

Giấy uỷ quyền/ Authorization document

Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/ Others (specify)

**1.3. Nhận kết quả đăng ký**       Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry

Methods to get registration       Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận/ By post result  
(specify name and address of receiver) .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration Certificate No.:**

.....

**③ Nội dung sửa chữa sai sót** (*kê khai về nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa*)/  
**Contents of error correction** (*state error contents and requested contents for correction*)

**④ Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachments to the application form include**

- Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã cấp/  
*Issued Certificate of aircraft type of security registration*
- Văn bản ủy quyền/ *Authorization document*
- Giấy tờ khác/ *Other documents*

**Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar**

**⑤ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.**

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM/  
SECURED PARTY/SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: \_\_\_ giờ \_\_\_ phút,  
ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/  
Receiver (*signature and full name*)

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content..

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item ②** - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.

**3. Kê khai tại mục/ Complete in item ③** - Nội dung sửa chữa sai sót/ Contents of error correction

- Kê khai về nội dung sai sót (theo đúng nội dung tại đơn yêu cầu đăng ký có nội dung sai sót) và nội dung yêu cầu sửa chữa/ Complete about error contents (under the contents as stated at the application for registration with error contents) and requested contents for correction.

- Mỗi nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa phải đánh số thứ tự và được kê khai cách nhau 01 dòng (ví dụ, 01. nội dung "A" sửa thành "A1"; 02. tên tàu là "Hồng Hà" sửa thành tên tàu là "Hoàng Hà")/ Each error content and requested content for correction must be numbered and completed far from other 01 line (for example, 01. content "A" is corrected "A1"; 02. name of ship as "Hong Ha" is corrected "Hoang Ha").

**4. Kê khai tại mục/ Complete in item ④** - Kèm theo Phiếu yêu cầu gồm có/  
Attachments to the application form include

- Trong trường hợp có sai sót trên Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp thì người yêu cầu đăng ký nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp cho cơ quan đăng ký và cơ quan đăng ký sẽ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã được sửa chữa sai sót cho người yêu cầu đăng ký/ In the error case on the issued Registration certificate, the applicant must submit the issued Registration certificate to the Registry and the Registry shall reissue the Registration certificate with error correction for the applicant.



Phụ lục 07: Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản  
bảo đảm là tàu bay

Annex 07: Application form for registration of notice on enforcement of secured aircraft  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ... month ... year ...

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC**  
**XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BAY**  
**APPLICATION FORM FOR REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF**  
**SECURED AIRCRAFT**

**Kính gửi/ To: Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

**❶ Thông tin chung/ General Information**

1.1. Loại hình đăng ký/ Registration type

Cầm cố/ Pledge       Thế chấp/ Mortgage       Bảo lưu quyền sở hữu/Title retention

1.2. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant

Bên bảo đảm/       Bên nhận bảo       Người được uỷ quyền/ Authorized  
Securing party      đảm/Secured party      person

- Họ và tên/ Full name.....

- Địa chỉ/ Address.....

- Số điện thoại/ Tel .....      Thư điện tử/ Email.....

CMND/ Căn cước công dân/ID       Hộ chiếu/ PP

Số/ No ..... do/ issued by..... cấp ngày/ on ..... /...../.....

Giấy uỷ quyền/ Power of attorney

Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/ Other (specify)

1.3. Nhận kết quả đăng ký/  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry

Methods to get registration result  Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post  
(specify name and address of receiver) .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No .....**



**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_ /

Time of application receiving: \_\_\_  
hour \_\_\_ minute, on \_\_\_ / \_\_\_ /

---

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/  
Receiver (*signature and full name*)

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.**

**3. Kê khai tại mục/ Complete in item ③ - Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Settled security assets**

Phụ lục 08: Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay

Annex 08: Registration certificate of document informing about settlement of secured aircraft  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

<p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> <b>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b> <b>MINISTRY OF TRANSPORT</b> <b>CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK Number ref:</p>	<p><b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b> <b>Independence - Freedom - Happiness</b></p>
<p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BAY</b> <b>REGISTRATION CERTIFICATE OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF SECURED AIRCRAFT</b></p>	
<p><b>1. Bên bảo đảm/ Securing party</b> Tên/ Full name Địa chỉ/ Address</p> <p><b>2. Bên nhận bảo đảm/ Secured party</b> Tên/ Full name Địa chỉ/ Address</p> <p><b>3. Tàu bay/ Aircraft</b> Số hiệu đăng ký/ Registration Mark Loại tàu bay/ Type of Aircraft Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft Nhà sản xuất/ Manufacturer Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer's Serial Number Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines Thời điểm hình thành/ Time of Formation</p> <p><b>4. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã cấp/ Issued Certificate of aircraft type of security registration No.</b> .....</p> <p><b>5. Lý do xử lý/ Reason of the enforcement</b> .....</p> <p><b>6. Phương thức xử lý/ Enforcement method</b> .....</p>	

7. Thời điểm xử lý/ Enforcement time

.....

Ngày đăng ký/ Date of Registration  
Ngày cấp/ Date of issue

**CỤC TRƯỞNG**  
**DIRECTOR GENERAL**

Phụ lục 09: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay  
Annex 09: Application form for deletion of registered aircraft type of security  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**  
**APPLICATION FORM FOR DELETION OF REGISTERED AIRCRAFT TYPE OF**  
**SECURITY**

**Kính gửi/ To: Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

**❶ Thông tin chung/ General information**

**1.1. Loại hình đăng ký/ Registration type**

Cầm cố/ Pledge

Thế chấp/ Mortgage

Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention

**1.2. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant**

Bên bảo đảm/  
Securing party

Bên nhận bảo đảm/  
Secured party

Người được uỷ quyền/ Authorized person

- Họ và tên / Full name .....

- Địa chỉ / Address .....

- Số điện thoại / Tel..... Thụ điện tử / Email .....

CMND / Căn cước công dân/ID

Hộ chiếu / PP

Số / No ..... do / issued by ..... cấp ngày / on ..... /..... /.....

Giấy uỷ quyền / Authorization document

Giấy tờ khác (ghi cụ thể) / Other (specify)

**1.3. Nhận kết quả đăng ký  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry**

/ Methods to get registration result

Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver) .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No.:.....**

- Lý do xóa đăng ký/ Reason for registration cancellation

<p><b>⑤ Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/Attachments to the application form include</b></p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã cấp gồm ..... trang <i>Issued Certificate of aircraft type of security registration including ..... page(s)</i></p> <p>- Văn bản đồng ý xóa của bên nhận bảo đảm hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm gồm ... trang <i>Deletion agreement letter of the secured party or document certifying termination of the secured obligations in case of the person requiring the deletion of registration is the securing party including ...page(s)</i></p> <p>- Văn bản ủy quyền (nếu có) <i>Authorization document (if any)</i> gồm ..... trang including ... page(s)</p> <p>- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)</p>	<p><b>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</b></p> <div style="border: 1px solid black; height: 100px; width: 100%;"></div>
<p><b>④ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.</b></p>	

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM /  
SECURED PARTY/SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

<p><b>PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY</b></p>
<p>Thời điểm tiếp nhận: ___ giờ ___ phút, ngày ___ / ___ / ___</p> <p>Time of application receiving: ___ hour ___ minute, on ___ / ___ / ___</p>
<p>Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên) / Receiver (signature and full name):</p>



## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.

Phụ lục 10: Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay  
Annex 10: Certificate for deletion of aircraft type of security registration  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

<p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF TRANSPORT CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM</p> <p>Số:        /        /GCN-CHK Number ref:</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</p>
<p style="text-align: center;"><b>GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY CERTIFICATE FOR DELETION OF AIRCRAFT TYPE OF SECURITY REGISTRATION</b></p>	
<p><b>1. Người đề nghị xóa đăng ký/ Applicant for the cancellation</b> Tên/ Fullname: Địa chỉ/ Address:</p> <p><b>2. Bên bảo đảm/ Securing party</b> Tên/Full name: Địa chỉ/Address:</p> <p><b>3. Bên nhận bảo đảm/Secured party</b> Tên/Full name: Địa chỉ/Address:</p> <p><b>4. Tàu bay/ Aircraft</b> Số hiệu đăng ký/ Registration Mark: Loại tàu bay/ Type of Aircraft: Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft: Nhà sản xuất/ Manufacturer: Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer's Serial Number: Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer: Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines: Thời điểm hình thành/ Time of Formation:</p> <p><b>5. Lý do xóa đăng ký / Reason for the cancellation</b></p> <p><b>6. Nghĩa vụ xóa bảo đảm/ Secured obligation to be cancelled</b></p>	
Ngày xóa đăng ký/ Date of Deregistration:	<b>CỤC TRƯỞNG DIRECTOR GENERAL</b>

Ngày cấp/ Date of issue:

Phụ lục 11: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay  
Annex 11: Application form for information provision on aircraft type of security

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**  
**APPLICATION FORM FOR INFORMATION PROVISION ON AIRCRAFT TYPE OF SECURITY**

***Kính gửi/ To:*** Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam

<b>❶ Hình thức nhận thông tin/ Form of information receipt</b>
<input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry
<input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện ( <i>theo tên và địa chỉ kê khai tại mục ❷ đơn này</i> )/ By post ( <i>under name and address completed at item ❷ of this application</i> )
<b>❷ Người yêu cầu cung cấp thông tin/ Applicant</b>
2.1. Tên đầy đủ: ( <i>viết chữ IN HOA</i> )/ Full name ( <i>write in CAPITAL LETTER</i> )..... .....
2.2. Địa chỉ/ Address .....
2.3. Người đề cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(*)</sup> / Information on contact person when necessary during dealing with records <sup>(*)</sup>
Họ và tên/ Full name .....
Số điện thoại/ Tel..... Thư điện tử/ Email.....
<b>❸ Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/ Requested contents on information provision</b>
..... ..... .....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**APPLICANT**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận : \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_  
hour \_\_\_ minute, on \_\_\_ / \_\_\_ /

-----

Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)  
/ Receiver (signature and full name)

Phụ lục 01: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển  
Annex 01: Application form for sea-going ship aircraft type of security registration  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ... month ... year ...

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FORM FOR SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY REGISTRATION**

**Kính gửi/ To:** (Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry) .....

**❶ Thông tin chung / General information**

**1.1. Loại hình đăng ký/ Registration type**

Thế chấp/ Mortgage  Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention

**1.2. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant**

Bên bảo đảm/ securing party  Bên nhận bảo đảm/ secured party  Người được uỷ quyền/ Authorized person

**1.3. Nhận kết quả đăng ký /  
Methods to get registration  
result**

Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  
 Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post  
(specify name and address of receiver) .....

**1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ (\*)/ Person  
for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier (\*)**

Họ và tên/ Full name .....Số điện thoại/ Tel: .....

Thư điện tử/ Email .....

**2 Bên bảo đảm/ securing party**

- Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/ Full name (*write in CAPITAL LETTERS*) .....

- Địa chỉ/ Address .....

CMND/ Căn cước công dân/ID     Hộ chiếu/ PP     Thẻ thường trú/ Temporary residence card

Mã số thuế/ Tax Identification     GCN đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate

GP đầu tư/ Investment Licence     GCN đầu tư/ Investment Certificate

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác (*ghi cụ thể*)/ Other documents proving legal status (*state clearly*): .....

Số/ No. .... do/ issued by ..... cấp ngày/ on ...../...../.....

**3 Bên nhận bảo đảm/ secured party**

- Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/ Full name (*write in CAPITAL LETTERS*) .....

- Địa chỉ/ Address .....

CMND/Căn cước công dân/ ID     Hộ chiếu/ PP     Thẻ thường trú/ Temporary residence card

Mã số thuế/ Tax Identification     GCN đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate

GP đầu tư/ Investment Licence     GCN đầu tư/ Investment Certificate

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác (*ghi cụ thể*)/ Other documents proving legal status (*state clearly*): .....

Số/ No. .... do/ issued by ..... cấp ngày/ on ...../...../.....

**4 Mô tả tài sản bảo đảm/ Description of secured assets**

Tên tàu/ Name ship....., Quốc tịch/Nationality .....

Hồ hiệu/ Call sign .....

Số IMO/IMO number.....

Loại tàu/ Type of ship.....

Chủ tàu/ Owner.....

Năm đóng/ Year of building.....

Nơi đóng/Place of building.....

Món nước/Draft.....

Dung tích thực dụng/Net tonnage.....

Chiều dài lớn nhất/Length over all.....

Chiều rộng/Breadth.....

Trọng tải toàn phần/ Dead weight.....

Tổng dung tích/Gross tonnage.....

Nơi đăng ký/Place of register.....

Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency.....

Tổng công suất máy chính/M.E.power.....

Số đăng ký/ Registration No. .... Ngày đăng ký/ Registration date.....

⑤ Hợp đồng bảo đảm/ Ship security contract  
 - Số/ No. ....ký ngày/ signed on ..... tháng/ month ..... năm/ year.....  
 - Số tiền được bảo đảm / Secured loan .....  
 - Lãi suất/interest rates.....  
 - Thời hạn trả nợ/due date.....

⑥ Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include:  
 - Hợp đồng bảo đảm Ship security contract ..... gồm ..... trang including ...page(s)  
 - Văn bản ủy quyền (nếu có) Authorization document (if any) ..... gồm ..... trang including ... page(s)

Người thực hiện đăng ký kiểm tra/ Registrar

⑦ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu này là trung thực, phù hợp với thoả thuận của các bên tham gia biện pháp bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, suitable with the agreement of the Parties participating in the secured type and completely responsible to the law for stated information.

**BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  
 (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
 AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
 Signature, full name, position and stamp (if any)

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED PARTY  
 (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
 AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
 Signature, full name, position and stamp (if any)

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
 FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận : \_\_\_ giờ \_\_\_ phút,  
 ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_  
 Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
 \_\_\_ minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên) /  
 Receiver (signature and full name)



## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

### 2. Kê khai tại mục/ Complete in item ❷ và mục/ and item ❸ (bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm/ securing party and secured party)

a) Việc kê khai tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý (Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu, Thẻ thường trú, Mã số thuế ...) của các bên tham gia biện pháp bảo đảm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17/01/2019.

The completion of name, document number determining the legal status (ID, PP, Establishment Decision, Business Registration Certificate...) of the parties participating in the secured type is implemented under the guidance at the Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019.

b) Trong trường hợp có nhiều bên bảo đảm hoặc nhiều bên nhận bảo đảm thì kê khai tất cả các bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm vào mục ❷ hoặc ❸/ In case of having many securing parties or many secured parties, complete all securing parties or secured parties into items ❷ or ❸.

3. Kê khai tại mục/ Completion in item ❹: Mỗi phiếu yêu cầu chỉ đăng ký một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/ Each application form only registers a contract and annexes of that contract (if any).

Phụ lục 02: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển  
Annex 02: Certificate of sea-going ship type of security registration  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**  
**CERTIFICATE OF SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY REGISTRATION**

Số:...../năm

No.:...../year

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF REGISTRY)**  
**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

1. Tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký biện pháp bảo đảm trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ..... giờ ..... phút, ngày..... tháng ..... năm ..... gồm những nội dung sau đây/ The sea-going ship with the following parameters is registered for type of security in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from ..... hour ..... minute, day..... month ..... year ..... including the following contents

**2. Tài sản bảo đảm/ Secured assets**

Tên tàu/ Name ship..... Hồ hiệu/ Call sign .....

Số IMO/IMO number.....

Loại tàu/ Type of ship.....

Chủ tàu/ Owner.....

Năm đóng/ Year of building.....

Nơi đóng/Place of building.....

Món nước/Draft.....

Dung tích thực dụng/Net tonnage.....

Chiều dài lớn nhất/Length over all.....

Chiều rộng/Breadth.....

Trọng tải toàn phần/ Dead weight.....

Tổng dung tích/ Gross tonnage.....

Nơi đăng ký/Place of register.....

Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency.....

Tổng công suất máy chính/M.E.power.....

Số đăng ký/ Registration No. .... Ngày đăng ký/ Registration date..

**3. Bên bảo đảm/ Securing party**

Tên/ Name.....

Địa chỉ/ Address .....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No..... do/  
issued by ..... cấp ngày/ on...../...../.....

**4. Bên nhận bảo đảm/ Secured party.....**

Tên/ Name.....

Địa chỉ/ Address .....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No..... do/  
issued by ..... cấp ngày/ on...../...../.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
Signature, full name, position and stamp)*

Phụ lục 03: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký

Annex 03: Application form for change registration of registered sea-going ship type of security content

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**  
**THAY ĐỔI NỘI DUNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ**  
**APPLICATION FORM FOR CHANGE REGISTRATION OF**  
**REGISTERED SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY CONTENT**

**Kính gửi/ To:** (Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry) .....

**❶ Thông tin chung / General information**

1.1. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant

Bên bảo đảm/ Securing party       Bên nhận bảo đảm/ Secured party       Người được uỷ quyền/ Authorized person

1.2. Nhận kết quả đăng ký / Methods to get registration result  
 Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  
 Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver) .....

1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ<sup>(\*)</sup>/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier<sup>(\*)</sup>

Họ và tên/ Full name .....Số điện thoại/ Tel: .....

Thư điện tử/ Email .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate number**  
.....

**❸ Nội dung thay đổi/ Change content**

3.1. Nội dung yêu cầu thay đổi/ Required change content

Thay đổi tên, thay đổi giấy tờ xác định tư cách pháp lý của một hay các bên: *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/ Change name, change documents proving legal status of a party or parties: Continue to complete at item 3.3*

Thay đổi các bên (rút bớt, thay thế hoặc bổ sung): *Kê khai tiếp tại điểm 3.2 và/hoặc điểm 3.3*  
Change parties (reduce, replace or supplement): *Continue to complete at 3.2 and/or item 3.3*

Thay đổi tài sản (rút bớt hoặc bổ sung tài sản mà không ký HĐ mới): *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/ Change assets (reduce or supplement assets without signing new contract): Continue to complete at item 3.3*

Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký/ *Change other registered contents. Kê khai tiếp tại điểm 3.3/ Continue to complete at item 3.3*

3.2. *Kê khai bên tham gia hợp đồng bảo đảm mới (do thay thế, bổ sung)/ Complete party participating in new security contract (due to replacement, supplementation)*

Bên bảo đảm/ Securing party                       Bên nhận bảo đảm/ Secured party  
Tên đầy đủ/ Full name (*viết chữ IN HOA/ write in CAPITAL LETTERS*) .....

Địa chỉ/ Address .....

CMND/Căn cước công dân/ ID     Hộ chiếu/ PP     Thẻ thường trú/ Temporary residence card

Mã số thuế/ Tax Identification     GCN đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate

GP đầu tư/ Investment License                       GCN đầu tư/ Investment Certificate

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác (*ghi cụ thể*)/ Other documents proving legal status (*state clearly*) .....

Số/ No ..... do/ issued by..... cấp ngày/ on ..... / ..... / .....

3.3. *Kê khai nội dung thay đổi khác/ Completion of other change content*

.....  
.....  
.....  
.....

**4 Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include**

- Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp  
gồm .... trang  
*Issued sea-going ship type of security registration certificate*  
including ..... page(s)

- Phụ lục số 04  
*Annex No. 4*    gồm ..... trang  
including ..... page(s)

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản chứng minh  
nội dung thay đổi                                      gồm .... trang  
*Contract on amendment, supplementation of sea-going ship security*  
*contract or document proving the change content*  
including ..... page(s)

- Văn bản ủy quyền  
*Authorization document (if any)*                      gồm ..... trang  
including ..... page(s)

*Người thực hiện  
đăng ký kiểm tra/  
Registrar*

**5** Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, and completely responsible to the law for stated information.

**BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/  
OR AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/  
OR AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận : \_\_\_ giờ \_\_\_ phút,  
ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)  
Receiver (signature and full name)

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.**

### 3. Kê khai tại mục/ Complete in item ③ - Nội dung thay đổi/ Change content

3.1. Tại điểm 3.1: Đánh dấu vào ô vuông tương ứng với nội dung yêu cầu thay đổi/ At item 3.1: Mark into corresponding square with change requirement content.

#### 3.2. Thay đổi về các bên/ Change on Parties

a) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung hoặc thay thế bên tham gia hợp đồng bảo đảm thì phải kê khai đầy đủ thông tin về bên bổ sung hoặc thay thế tại điểm 3.2. Việc kê khai về bên bổ sung hoặc thay thế thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a mục 2 phần Hướng dẫn kê khai của Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Phụ lục số 11)/ If the change content is to supplement or change the Party participating in the security contract, it is required to complete full information about the supplementation or replacement Party at point 3.2. The completion about the supplementation or replacement Party is implemented in accordance with the guidance at point a item 2 at part: completion guidance of Application form for sea-going ship type of security registration (Annex No. 11).

b) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt bên tham gia hợp đồng bảo đảm thì chỉ phải kê khai về tên của bên rút bớt tại điểm 3.3, theo đúng tên trong biện pháp bảo đảm đã đăng ký/ If the change content is to reduce the Parties participating in the security contract, it is required to complete the name of the reduction Party at point 3.3 in accordance with the name in registered type of security.

3.3. Thay đổi các nội dung khác: Kê khai đồng thời về nội dung bị thay đổi và nội dung thay đổi tại điểm 3.3/ Change on other contents: Completing at the same time the content to be changed and changed content at point 3.3.

3.3.1. Thay đổi tên, số của giấy tờ xác định tư cách pháp lý của các bên (thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: thay đổi do sáp nhập hoặc chia tách doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh...): Kê khai về tên và số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên đó theo đúng trong phiếu yêu cầu đăng ký có nội dung cần thay đổi, đồng thời kê khai về tên hoặc (và) số giấy tờ xác định tư cách pháp lý yêu cầu thay đổi tại điểm 3.3. (Ví dụ: Nguyễn Văn A, số CMND 123. Yêu cầu thay đổi số CMND là 234 hoặc yêu cầu thay đổi tên là Nguyễn Văn B)/ Change on name, number of document determining legal status of the Parties (change under the decision of the State competent authority, for example: change due to merge or division of the enterprise, change of business lines...): Complete the name and document number determining legal status of that Party in accordance with application form for registration with changed content, and complete the name or (and) document number

determining legal status requiring to change at point 3.3 (*For example: Nguyen Van A, ID Card No. 123. Require to change the ID Card No. being 234 or require to change the name being Nguyen Van B*).

### 3.3.2. Thay đổi tài sản/ Change on assets

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt tài sản bảo đảm (rút một hoặc một số tài sản bảo đảm) thì kê khai về tài sản rút bớt theo đúng nội dung đã mô tả về tài sản đó trong hợp đồng bảo đảm đã đăng ký tại điểm 3.3/ If the change content is to reduce the secured assets (reduce one or some mortgage assets), complete the reduced assets in accordance with the content described about those assets in the registered security contract at point 3.3.

b) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung hoặc thay thế tài sản bảo đảm thì kê khai tại điểm 3.3/ If the change content is to supplement or change the secured assets, complete at point 3.3.

c) Ghi rõ nội dung thay đổi tài sản là rút bớt hay bổ sung hay thay thế tại điểm 3.3 khi mô tả tài sản bảo đảm/ State the asset change content to be reduction or supplementation or replacement at point 3.3 as describing the secured assets.







Phụ lục 05: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu  
biển đã đăng ký

Annex 05: Registration change certificate of registered sea-going ship  
type of security content

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI**  
**NỘI DUNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ**  
**REGISTRATION CHANGE CERTIFICATE OF REGISTERED SHIP**  
**TYPE OF SECURITY CONTENT**

Số:...../năm

No.:...../year

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF SHIP REGISTRY)**  
**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

1. Nội dung đăng ký thay đổi đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ..... giờ ..... phút, ngày..... tháng ..... năm ..... gồm những nội dung sau đây/ The change registration content was recorded in the Vietnam National Sea-going Ships Registration Book, valid from ..... hour ..... minute, day..... month ..... year ..... including the following contents

**2. Bên bảo đảm/ Securing party**

Tên/ Name.....

Địa chỉ/ Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No .....do/  
issued by..... cấp ngày/ on ...../...../.....

**3. Bên nhận bảo đảm/ Secured party.....**

Tên/ Name.....

Địa chỉ/ Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No.....do/  
issued by..... cấp ngày/ on...../...../.....

**4. Tài sản bảo đảm đã đăng ký/ Registered security assets**

Tên tàu/ Name ship..... Hô hiệu/ Call sign .....

Số IMO/IMO number.....

Loại tàu/ Type of ship.....

Chủ tàu/ Owner.....  
Năm đóng/ Year of building.....  
Nơi đóng/Place of building.....  
Mớn nước/Draft.....  
Dung tích thực dụng/Net tonnage.....  
Chiều dài lớn nhất/Length over all.....  
Chiều rộng/Breadth.....  
Trọng tải toàn phần/ Dead weight.....  
Tổng dung tích/ Gross tonnage.....  
Nơi đăng ký/Place of register.....  
Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency.....  
Tổng công suất máy chính/M.E.power.....  
Số đăng ký/ Registration No. .... Ngày đăng ký/ Registration date.....

**5. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm tàu biển đã cấp/ Number of issued Certificate of sea-going ship type of security registration:**

**6. Thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển tại Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp/ Time of sea-going ship type of security registration at issued certificate of sea-going ship type of security registration:**

**7. Nội dung đăng ký thay đổi/ Change registration content**

*7.1. Thay đổi bên bảo đảm/ Change on securing party*

- a) Thay đổi tên/ Change on name
- b) Thay đổi số giấy tờ xác định tư cách pháp lý/ Change on document proving legal status
- c) Rút bớt bên bảo đảm/ Reduce the securing party
- d) Bổ sung bên bảo đảm/ Supplement the securing party
- đ) Thay thế bên bảo đảm/ Replace the securing party

*7.2. Thay đổi bên nhận bảo đảm/ Change on the secured party*

- a) Thay đổi tên/ Change on name
- b) Thay đổi số giấy tờ xác định tư cách pháp lý/ Change on document proving legal status
- c) Rút bớt bên nhận bảo đảm/ Reduce the secured party
- d) Bổ sung bên nhận bảo đảm/ Supplement the secured party
- đ) Thay thế bên nhận bảo đảm/ Replace the secured party

*7.3. Thay đổi tài sản/ Change on assets*

- a) Rút bớt tài sản/ Reduce assets
- b) Bổ sung tài sản bảo đảm tại thời điểm .....giờ ..... phút ....., ngày ... tháng... năm/  
Supplement the secured assets at the time of ..... hour ..... minute ....., day ... month ... year.

*7.4. Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký tại mục số ... trang số ...../ Change on other registered contents at item No. ... page No. ....*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
Signature, full name, position and stamp)*

Phụ lục 06: Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký biện pháp bảo đảm  
bằng tàu biển

Annex 06: Application Form for error correction of sea-going ship type of security  
registration

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU SỬA CHỮA SAI SÓT VỀ ĐĂNG KÝ**  
**BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FORM FOR ERROR CORRECTION OF SEA-GOING SHIP**  
**TYPE OF SECURITY REGISTRATION**

**Kính gửi/ To:** (Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry) .....

**❶ Thông tin chung / General information**

1.1. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant

Bên bảo đảm/ Securing party       Bên nhận bảo đảm/ Secured party       Người được uỷ quyền/ Authorized person

1.2. Nhận kết quả đăng ký / Methods to get registration result  
 Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  
 Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver) .....

1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ<sup>(\*)</sup>/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier<sup>(\*)</sup>

Họ và tên/ Full name .....Số điện thoại/ Tel: .....

Thư điện tử/ Email .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No.**  
.....

**❸ Nội dung sửa chữa sai sót (kê khai về nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa)/ Contents of error correction (state error contents and requested contents for correction)**  
.....  
.....  
.....  
.....

<p><b>④ Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachments to the application form include</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp <i>Issued Certificate of Ship type of security Registration including</i> ..... trang <i>..... pages</i></li> <li>- Văn bản ủy quyền/Authorization document</li> </ul>	<p><i>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/ Registrar</i></p> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 80px; margin: 0 auto;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px; margin: 5px auto;"></div>
<p><b>⑤ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.</b></p>	

**BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

<p><b>PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY</b></p>
<p>Thời điểm tiếp nhận: ___ giờ ___ phút, ngày ___ / ___ / ___</p> <p>Time of application receiving: ___ hour ___ minute, on ___ / ___ /</p> <p>-----</p>
<p>Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên) / Receiver (signature and full name)</p>

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.**

**3. Kê khai tại mục/Complete in item ③ - Nội dung sửa chữa sai sót/ Contents of error correction**

- Kê khai về nội dung sai sót (theo đúng nội dung tại phiếu yêu cầu đăng ký có nội dung sai sót) và nội dung yêu cầu sửa chữa/ Complete about error contents (under the contents as stated at the application form for registration with error contents) and requested contents for correction.

- Mỗi nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa phải đánh số thứ tự và được kê khai cách nhau 01 dòng (ví dụ, 01. nội dung "A" sửa thành "A1"; 02. tên tàu là "Hồng Hà" sửa thành tên tàu là "Hoàng Hà")/ Each error content and requested content for correction must be numbered and completed far from other 01 line (for example, 01. content "A" is corrected "A1"; 02. name of ship as "Hong Ha" is corrected "Hoang Ha").

**4. Kê khai tại mục/ Complete in item ④ - Kèm theo Phiếu yêu cầu gồm có/ Attachments to the application form include**

- Trong trường hợp có sai sót trên Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp thì người yêu cầu đăng ký nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp cho cơ quan đăng ký và cơ quan đăng ký sẽ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã được sửa chữa sai sót cho người yêu cầu đăng ký/ In the error case on the issued Registration certificate, the applicant must submit the issued Registration certificate to the Registry and the Registry shall reissue the Registration certificate with error correction for the applicant.



Phụ lục 07: Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc  
xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển

Annex 07: Application Form for Registration of notice on enforcement  
of secured sea-going ship

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO**  
**VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FORM FOR REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT**  
**OF SECURED SEA-GOING SHIP**

**Kính gửi/ To:** (Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry) .....

<b>❶ Thông tin chung / General information</b>		
1.1. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant		
<input type="checkbox"/> Bên bảo đảm/ Securing party	<input type="checkbox"/> Bên nhận bảo đảm/ Secured party	<input type="checkbox"/> Người được uỷ quyền/ Authorized person
1.2. Nhận kết quả đăng ký / Methods to get registration result		
<input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry	<input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver) .....	
1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(*)</sup> / Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier <sup>(*)</sup>		
Họ và tên/ Full name .....Số điện thoại/ Tel: .....		
Thư điện tử/ Email .....		
<b>❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No.</b> .....		
<b>❸ Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Settled secured assets</b>		
3.1. <input type="checkbox"/> Xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm/ Settle all secured assets		
3.2. <input type="checkbox"/> Xử lý một phần tài sản bảo đảm, gồm/ Settle partial secured assets, including		
Mô tả tài sản bị xử lý/ Description of settled assets ..... ..... .....		

3.3. Phương thức xử lý/ Settlement method .....  
 3.4. Thời gian xử lý/ Settlement time .....  
 3.5. Địa điểm xử lý/ Settlement location .....

<p><b>4</b> Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachments to the application form include</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp ..... trang  <i>Issued sea-going ship type of security registration certificate</i>      including ..... page(s)</p> <p>- Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển      ..... trang  <i>Document informing about settlement secured assets by ship</i>      including ..... pages</p> <p>- Văn bản ủy quyền      ..... trang  <i>Authorization document</i>      including ..... pages</p> <p>- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)</p>	<p><i>Người thực hiện          đăng ký kiểm tra/          Registrar</i></p> <div style="display: flex; flex-direction: column; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 30px; margin-bottom: 5px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 30px; margin-bottom: 5px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 30px; margin-bottom: 5px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 30px;"></div> </div>
--	--

**5** Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.

**BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  
 (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
 AUTHORIZED PERSON)**  
 Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED  
 PARTY  
 (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
 AUTHORIZED PERSON)**  
 Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

<p><b>PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ          FOR REGISTRY ONLY</b></p>
<p>Thời điểm tiếp nhận : ___ giờ ___          phút, ngày ___ / ___ / ___</p> <p>Time of application receiving: ___          hour ___ minute, on ___ / ___ / ___</p> <p>-----</p> <p>Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)          / Receiver (signature and full name)</p>

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.**

**3. Kê khai tại mục/ Complete in item ③ - Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Settled secured assets**

a) Đánh dấu vào ô vuông tại điểm 3.1 hoặc điểm 3.2 để xác định yêu cầu xử lý toàn bộ hay một phần tài sản bảo đảm/ Mark in box at point 3.1 or point 3.2 to determine settlement requirements of whole or partial secured assets.

b) Trong trường hợp yêu cầu xử lý một phần tài sản bảo đảm (điểm 3.2) thì phải kê khai về tài sản bị xử lý theo đúng nội dung đã mô tả về tài sản đó tại phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã được giải quyết/ In the case of requirement for settlement of partial secured assets (point 3.2), please complete settled assets in accordance with described contents on such assets at the settled application form for ship type of registration.

Phụ lục 08: Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý  
tài sản bảo đảm là tàu biển

Annex 08: Certificate of registration of notice on enforcement of secured sea-going ship

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO**  
**VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BIỂN**

**CERTIFICATE OF REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF SECURED**  
**SEA-GOING SHIP**

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF SHIP REGISTRY)**

**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

1. Nội dung đăng ký thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ..... giờ ..... phút, ngày..... tháng ..... năm ..... gồm những nội dung sau đây/ Contents on registration notice on enforcement of secured sea-going ship are registered in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from ..... hour ..... minute, day..... month ..... year ..... including the following contents

**2. Bên bảo đảm/ Securing party**

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No.  
.....do/ issued by..... cấp ngày/ on ...../...../.....

**3. Bên nhận bảo đảm/Secured party**

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No.  
.....do/ issued by..... cấp ngày/ on ...../...../.....

4. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp/ Issued Certificate of sea-going ship type of security registration No. ....

5. Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Secured assets to be enforced

.....  
.....  
.....

6. Phương thức xử lý/ Enforcement method

.....

7. Thời gian xử lý/ Enforcement time

.....

8. Địa điểm xử lý/ Enforcement location

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/ Signature, full name,  
position and stamp)*

Phụ lục 09: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển  
Annex 09: Application form for deletion of sea-going ship type of security registration  
(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**  
....., day ... month ... year ...

**PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FORM FOR DELETION OF SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY**  
**REGISTRATION**

**Kính gửi/ To:** (Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry) .....

**❶ Thông tin chung / General information**

1.1. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant

Bên bảo đảm/ Securing party       Bên nhận bảo đảm/ Secured party       Người được uỷ quyền/ Authorized person

1.2. Nhận kết quả đăng ký / Methods to get registration result  
 Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  
 Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver) .....

1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ<sup>(\*)</sup>/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier<sup>(\*)</sup>

Họ và tên/ Full name .....Số điện thoại/ Tel: .....

Thư điện tử/ Email .....

❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No.: .....

**❸ Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachments to the application form include**

- Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp  
gồm .... trang  
Issued sea-going ship type of security registration certificate  
including ..... page(s)

**Người thực hiện  
đăng ký kiểm tra/  
Registrar**



<p>- Văn bản đồng ý xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển của bên nhận bảo đảm hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm gồm ..... trang</p> <p><i>Document agreeing the deletion of ship type of security registration of the secured party or document certifying termination of the secured obligations in case of the person requiring the deletion of registration is the securing party</i></p> <p>including .....page(s)</p>	<input type="text"/>
<p>- Văn bản ủy quyền <i>Authorization document</i></p> <p>gồm ..... trang including .....page(s)</p>	<input type="text"/>
<p>- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)</p>	<input type="text"/>
<p><b>4</b> Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/ <i>The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.</i></p>	

**BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED  
PARTY**

**(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_  
hour \_\_\_ minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

-----  
Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)  
/ Receiver (signature and full name)

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/ General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

2. Kê khai tại mục/ Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.



Phụ lục 10: Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Annex 10: Certificate for deletion of sea-going ship type of security registration

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**CERTIFICATE FOR DELETION OF SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY REGISTRATION**

Số:...../năm

No.:...../year

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF SHIP REGISTRY)**  
**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

1. Nội dung xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực từ..... giờ ..... phút, ngày..... tháng ..... năm ..... gồm những nội dung sau đây/ Contents on deletion of sea-going ship type of security registration are registered in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from ..... hour ..... minute, day..... month ..... year ..... including the following contents

**2. Bên bảo đảm/ Securing party**

Tên/ Name.....

Địa chỉ/ Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No .....do/  
issued by..... cấp ngày/ on ...../...../.....

**3. Bên nhận bảo đảm/ Secured party**.....

Tên/ Name.....

Địa chỉ/ Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No.....do/  
issued by..... cấp ngày/ on...../...../.....

4. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp/ Number of issued Certificate of ship type of security registration .....

**5. Tài sản bảo đảm đã đăng ký/ Registered security assets**

Tên tàu/ Name ship..... Hô hiệu/ Call sign .....

Số IMO/IMO number.....

Loại tàu/ Type of ship.....

Chủ tàu/ Owner.....

Năm đóng/ Year of building.....

Nơi đóng/Place of building.....

Mớn nước/Draft.....

Dung tích thực dụng/Net tonnage.....

Chiều dài lớn nhất/Length over all.....

Chiều rộng/Breadth.....

Trọng tải toàn phần/ Dead weight.....

Tổng dung tích/ Gross tonnage.....

Nơi đăng ký/Place of register.....

Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency.....

Tổng công suất máy chính/M.E.power.....

Số đăng ký/ Registration No. .... Ngày đăng ký/ Registration date.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN**  
**HEAD OF SHIP REGISTRY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
Signature, full name, position and stamp)*

Phụ lục 11: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Annex 11: Application form for information provision on sea-going ship type of security

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2019  
Promulgated under Circular No. 01/2019/TT-BTP dated 17<sup>th</sup> January 2019)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

....., day ..... month ..... year .....

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FORM FOR INFORMATION PROVISION ON SEA-GOING SHIP**  
**TYPE OF SECURITY**

Kính gửi/ To: Tên cơ quan đăng ký/ Name of Registry

<b>❶ Hình thức nhận thông tin/ Form of information receipt</b>
<input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry
<input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (theo tên và địa chỉ kê khai tại mục ❷ đơn này)/ By post (under name and address completed at item ❷ of this application)
<b>❷ Người yêu cầu cung cấp thông tin/ Applicant</b>
2.1. Tên đầy đủ: (viết chữ IN HOA)/ Full name (write in CAPITAL LETTER).....
.....
2.2. Địa chỉ/ Address .....
2.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ (*)/ Information on contact person when necessary during dealing with records (*)
Họ và tên/ Full name .....
Số điện thoại/ Tel..... Thư điện tử/ Email.....
<b>❸ Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/ Requested contents on information provision</b>
.....
.....
.....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**APPLICANT**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_  
hour \_\_\_ minute, on \_\_\_ / \_\_\_ /

-----  
Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)  
/ Receiver (signature and full name)

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item ❶**, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong hai ô vuông tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then results of information provision shall be given directly at the registry.